

Bản án số: 174/2021/HS-PT  
Ngày 31 tháng 3 năm 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tưu

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thành Long

Ông Phan Đức Phương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24/3/2021 và 31/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 613/2021/TLPT- HS, ngày 26 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Bùi Văn C và các bị cáo khác; Do có kháng cáo của các bị cáo; người bị hại và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2020/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 948/2020/QĐPT-HS ngày 28 tháng 12 năm 2020.

***- Các bị cáo có kháng cáo; bị kháng cáo và kháng nghị:***

1. **Bùi Văn C**, sinh năm 1985 tại tỉnh Bến Tre; hộ khẩu thường trú: Ấp AĐ, xã AN, huyện TP, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; cha tên Bùi V.V, sinh năm 1962 và mẹ tên Trịnh T.Ch, sinh năm 1964; vợ tên Nguyễn T.S, sinh năm 1982; có 01 người con tên Bùi N.Kh, sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 26/02/2015, Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) DA, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 61/2015/HSST (chấp hành xong hình phạt ngày 20/8/2016, đóng tiền án phí ngày 07/4/2015).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2019 cho đến nay; có mặt.

2. **Phan Trường S**, sinh năm 1988 tại tỉnh Hà Tĩnh; hộ khẩu thường trú: Xóm 1, xã PT, huyện HK, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở: Khu nhà ở An sinh xã hội B, Khu phố 4, phường AP, thành phố TA, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; cha tên Phan V.V (đã chết) và mẹ tên Nguyễn T.T, sinh năm 1959; vợ tên Nguyễn Thị B.A, sinh năm 1982 (đã ly hôn); có 01 người con tên Phan Ngọc N.Y, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 21/11/2012, Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) DA, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án số 377/2012/HS-ST (đóng tiền án phí ngày 08/4/2013).

- Ngày 20/6/2014, Tòa án nhân tỉnh Hà Tĩnh tuyên phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 70/2014/HSPT (đóng tiền án phí ngày 24/7/2014).

- Ngày 08/01/2015, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 01/2015/HSST; tổng hợp hình phạt 12 tháng tù của Bản án số 70/2014/HSPT, buộc bị cáo S phải chấp hành hình phạt 03 năm tù tính từ ngày 08/8/2014 (chấp hành xong hình phạt ngày 08/4/2017, đã đóng tiền án phí)

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2019 cho đến nay; có mặt.

- *Bị cáo bị kháng cáo và kháng nghị: Dương Ngọc Đ*, sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; hộ khẩu thường trú: ấp TH, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Bến Tre; tạm trú: số 10/11A, Khu phố Thống Nhất 1, phường DA, thành phố DA, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; cha tên Dương V.X, sinh năm 1961 và mẹ tên Huỳnh Thị B.S, sinh năm 1967; vợ tên Lê T.D, sinh năm 1994; có 01 người con tên Dương Lê B.N, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 28/01/2010, Tòa án nhân dân quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 22/1010/HSST (chấp hành án xong ngày 09/01/2011; đóng tiền án phí ngày 16/4/2010).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2019 cho đến nay; có mặt.

- *Người bào cho bị cáo Phan Trường S*: Luật sư Trần Hiếu Tr – Trưởng văn phòng luật sư NBL – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn C*: Ông Đoàn Huy H – Luật sư Văn phòng luật sư TA – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Dương Ngọc Đ:* Ông Hoàng Công S – Luật sư Văn phòng luật sư TA - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bị hại:* Ông Lê Trung Ng, sinh năm 1976; nơi thường trú: ấp TT, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế VN; địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, Tòa nhà S.T, số 111A, đường P, phường BN, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1986; địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky, số 26 UVK, phường 25, BT, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Ông Dương Ngọc Đ1, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 139A, ấp Thạnh Hưng, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1982; địa chỉ: phòng 04 nhà trọ số 131 tổ 456 đường PDL, khu phố TN, phường DA, thành phố DA, Bình Dương; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Thị S1, sinh năm 1982; vắng mặt.

2. Trần Thanh H, sinh năm 2000; vắng mặt.

3. Phan Thị Thu H1, sinh năm 1982 (chị ruột của bị cáo S); có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

4. Hoàng Thị Hoài L, sinh năm 1997; vắng mặt.

5. Nguyễn Phước L1, sinh năm 1966; vắng mặt.

6. Nguyễn Thanh S2, sinh năm 1984; vắng mặt.

7. Nguyễn Quốc B, sinh 1997; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

8. Nguyễn Văn S3, sinh 1988; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Phan Trường S cùng vợ là Nguyễn T.Nh (chưa đăng ký kết hôn) sinh sống tại khu nhà ở An sinh xã hội B, thuộc Khu phố 4, phường AP, thành phố TA, tỉnh Bình Dương. Trong quá trình sống tại đây, S nhiều lần để xe ô tô không đúng quy định nên Lê Trung Ng là bảo vệ chung cư nhiều lần nhắc nhở, từ đó giữa S và Ng phát sinh mâu thuẫn với nhau. Khoảng đầu tháng 6/2019, S đậu xe ô tô biển số 38C - 123.27 trong bãi xe thì bị ai đó treo đá trên kính chiếu

hậu, S cho rằng Ng là người làm việc này nên S và Nga cự cãi xô xát với nhau. Sự việc S mâu thuẫn và xô xát với Ng thì C và Đ đều biết.

Khoảng 20 giờ ngày 06/6/2019, S điều khiển xe ô tô biển số 38C - 123.27 từ khu nhà ở An sinh xã hội B về thôn LKT, xã HĐ, huyện HN, tỉnh Bình Định để thăm vợ (vợ S về quê để sinh con). Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 07/6/2019, S điện thoại cho C nói C và Đ đến khu nhà ở An sinh xã hội B đánh Ng trả thù thì C đồng ý. Sau đó, S tiếp tục gọi điện cho Đ nói lúc nào C gọi điện thì đi với C đến đánh Ng, Đ đồng ý. Khoảng 21 giờ 15 phút cùng ngày, C điện thoại nói Đ ra ngã tư 550 đi cùng C, nghe vậy Đ hiểu là sẽ đi cùng C đánh Ng, Đ đi bộ từ nhà ở khu xóm nghèo thuộc Khu phố TN 1, phường DA, thành phố DA, tỉnh Bình Dương ra ngoài đường đón xe ôm đến ngã tư 550. Tại đây, Đ nhìn thấy C đang dừng xe mô tô (không rõ biển số) đứng chờ, C nói với Đ: “Chở anh lên đây đánh dần mặt thẳng bảo vệ” và đưa xe mô tô cho Đ điều khiển, lúc này tay trái của C cầm 01 cây kiếm dài khoảng 60 cm – 80 cm ép sát người, Đ điều khiển xe chở C chạy đến bãi xe của khu nhà ở An sinh xã hội B. Đến nơi, Đ dừng xe cách nơi Ng đang ngồi soát vé tại cửa nhà xe khoảng 10 m, C xuống xe đi lại phía sau lưng bên trái của Ng. Lúc này, Ng đang nhìn vào màn hình máy vi tính, lưng quay ra đường, 02 tay đặt lên bàn trước mặt xem đá bóng, C chém 01 nhát trúng vào cánh tay trái làm cánh tay trái của Nghĩa bị đứt rời và rớt xuống đất, Ng đứng lên quay người qua trái bỏ chạy thì C chém tiếp trúng bụng làm lộ ruột ra ngoài, Ng chạy được 01 - 02 bước chân vào hướng nhà xe thì C chém tiếp 02 nhát vào lưng làm Ng té ngã về phía trước, C tiếp tục chạy lại chém liên tiếp nhiều nhát trúng vào đầu gối trái, bả vai trái, ngực phải của Ng rồi chạy bộ ra ngồi lên xe mô tô Đ điều khiển chở tẩu thoát. Để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng, Đ điều khiển xe chở C chạy khoảng 500 mét thì dừng xe và giao xe mô tô lại cho C chạy, còn Đ đi bộ vào đường nhánh sau đó đón xe ôm về nhà. C điều khiển xe chạy đến phòng trọ của chị ruột S tên Phan Thị Thu H1 và để kiếm phía sau máy giặt trong phòng trọ nhờ chị H1 giữ dùm (cây kiếm đã được quấn băng keo màu đen bên ngoài). Sau đó, C đi về nhà trọ tại đường PDL, khu phố Thống Nhất 1, phường DA, thành phố DA, tỉnh Bình Dương.

Sau khi bị C chém, Ng được bảo vệ dân phố đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương. Do thương tích nặng nên được chuyển đến Bệnh viện CR, Thành phố Hồ Chí Minh để điều trị.

Ngày 14/6/2019, Dương Ngọc Đ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TA, tỉnh Bình Dương đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đối với C và S, sau khi gây án C điện thoại thông báo cho S biết đã chém Ng, ngày 08/6/2019 C bỏ trốn lên khu vực tỉnh Gia Lai và điện thoại hẹn S lên gặp nhau. Khoảng ngày 13/6/2019, S từ tỉnh Bình Định lên tỉnh Gia Lai gặp C

rồi cả 02 bỏ trốn lên tỉnh Kon Tum và đi nhiều nơi, sau đó S đi đến khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, C đi về khu vực tỉnh Bến Tre. Ngày 24/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã bắt giữ C tại địa bàn tỉnh Bến Tre và S tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Tang vật thu giữ trong vụ án: 01 xe mô tô hiệu Honda SH, biển số 61D1 - 878.43 (kèm theo Giấy đăng ký); 01 xe ô tô hiệu Nissan Navara, biển số 38C - 123.27 là tài sản của bị cáo S không sử dụng vào việc phạm tội; 01 chứng minh nhân dân mang tên Phan Trường S; 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu trắng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 130 màu đen là của bị cáo S sử dụng để liên lạc với bị cáo C và Đ trong quá trình thực hiện tội phạm; 01 xe mô tô hiệu Max, biển số 66M3 - 1797 là tài sản của bị cáo Đ không sử dụng vào việc phạm tội; 01 dao bấm bằng kim loại dài 19cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng có khắc ký tự U.SA trên đỉnh lưỡi dao, 01 khung sim 4G mạng Viettel có số seri 8984048000052469584, 01 khung sim 4G mạng Viettel có số seri 898404800052100294 là tài sản thu giữ của bị cáo C không sử dụng vào việc phạm tội; 01 điện thoại di động hiệu SamSung, sim số 0339.815.569 của bị cáo C sử dụng vào việc phạm tội; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X Max, sim số 0382.200.999 của bị cáo Đ sử dụng để liên lạc trong quá trình thực hiện tội phạm; 01 rựa dài 62cm, cán gỗ, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 35cm, 01 kiếm dài 77cm (luôn vỏ bao), lưỡi bằng kim loại màu trắng sáng dài 49cm thu giữ của bị cáo Đ không phải vật chứng trong vụ án; 01 cái gối vải màu đen có dính chất màu nâu, 01 đôi dép hiệu Mixstat màu đen, 01 chùm chìa khóa, 02 khẩu trang, 01 quần Jeans màu xanh hiệu Chinthing bị cắt thành bốn mảnh rời, 01 áo thun nam màu xanh đột chuối hiệu Gucci bị cắt thành ba mảnh, 01 đôi giày vải màu xanh đen hiệu Nike bị cắt rời mỗi chiếc thành hai phần thu giữ của bị cáo C là vật chứng trong vụ án.

Đối với kiếm bị cáo C sử dụng chém Ng, bà Phan Thị Thu H1 xác nhận C gửi ở phòng trọ của bà nhưng không nói rõ nguồn gốc và đã sử dụng làm gì. Sau khi C và Đ bị bắt, sợ có liên quan nên bà H1 nhờ bạn tên Nguyễn Cảnh H2 (ở cùng xóm sang chơi) lấy vớt bỏ nhưng không biết là hôm đó H2 có lấy đem đi vớt hay không; còn H2 không thừa nhận có sự việc trên. Hiện kiếm không còn ở phòng trọ của H1, không biết ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 424/2019/GĐPY ngày 02/10/2019 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Bình Dương đối với Lê Trung Ng:

1. Khám thương tích hiện tại:

- Vết thương cụt 1/3 dưới cánh tay trái, mồm cụt lành.

- 03 vết thương vùng ngực phải (1 x 0,2)cm, (1,5 x 0,2)cm và (1,5 x 0,2)cm, thấu ngực trần dịch màng phổi phải, đã phẫu thuật dẫn lưu màng phổi phải, sẹo lành.

- Vết thương đường giữa bụng trên dưới rốn (17 x 0,5)cm, thấu bụng đã phẫu thuật mổ thám sát ổ bụng, sẹo lành.

- Vết thương 1/3 trên mặt ngoài cánh tay trái (8 x 0,5)cm, vết thương bụng trái (6 x 0,2)cm, 02 vết thương lưng trái (28 x 0,5)cm và (5 x 0,1)cm, vết thương lưng phải dưới xương bả vai (21 x 1)cm, vết thương gối trái (5 x 0,5)cm, sẹo lành.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 74% (Bảy mươi bốn phần trăm).

Đối với hành vi của Phan Thị Thu H1: do khi C đem kiểm (đã được quần băng keo đen bên ngoài) đến gửi không nói rõ nguồn gốc và lý do gửi nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương không đề cập xử lý.

Đối với xe mô tô C sử dụng làm phương tiện phạm tội hiện chưa rõ nên chưa có cơ sở xem xét xử lý.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Trung Ng yêu cầu các bị cáo Phan Trường S, Bùi Văn C, Dương Thanh Đ liên đới bồi thường chi phí điều trị thương tích, tổn thất sức khỏe do thương tích gây ra là 500.000.000 đồng. Bị cáo Dương Ngọc Đ đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại Lê Trung Ng 20.000.000 đồng.

*Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 91/2020/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:*

\* Về trách nhiệm hình sự

- Tuyên bố các bị cáo Phan Trường S và Dương Ngọc Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Tuyên bố bị cáo Bùi Văn C phạm tội “Giết người” (chưa đạt).

1. Áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134; các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phan Trường S 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/6/2019.

2. Áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 54, 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Dương Ngọc Đ 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/6/2019.

3. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 và Điều 15; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 57 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Bùi Văn C 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/6/2019.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng; về trách nhiệm dân sự; về án phí sơ thẩm; lãi suất, quyền và nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 20 tháng 9 năm 2020, bị cáo Bùi Văn C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Lý do: Tòa sơ thẩm phạt bị cáo 18 năm tù là quá khắt khe, quá cao; đồng thời bị cáo kháng cáo kêu oan cho bạn là bị cáo Phan Trường S, vì trong vụ án này chỉ có C và Đ làm. S không hề biết vụ việc này. Cho tới khi C gọi điện thoại nhờ S thì nói cho S nghe. S không có điện thoại và kêu bị cáo làm việc này. Nên bị cáo C kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và trả lại sự trong sạch cho bị cáo S

- Ngày 25 tháng 9 năm 2020, bị cáo Phan Trường S có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Lý do: Bị cáo S thừa nhận có mâu thuẫn với bị hại Lê Trung Ng nhưng không thừa nhận có việc kêu C đánh ông Ng, việc C và Đ đánh ông Ng là do C và Đ bức xúc việc ông Ng nhiều lần kiểm chuyện với bị cáo nên đã tự ý qua đánh ông Ng mà không cho bị cáo (S) biết trước, cho đến khi sự việc xảy ra rồi thì bị cáo mới biết. Vì thế, bị cáo S kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét trả lại sự công bằng cho bị cáo.

- Ngày 25 tháng 9 năm 2020, bị hại Lê Trung Ng có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Lý do bị hại Ng cho rằng mức án Tòa cấp sơ thẩm quyết định đối với các bị cáo là quá nhẹ và mức bồi thường thiệt hại không thỏa đáng. Vì thế ông Ng kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt tù đối với 3 bị cáo S, C, Đ do vô cớ giết người dã man và buộc 3 bị cáo bồi thường cho ông Ng số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

- Ngày 30 tháng 9 năm 2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có Quyết định số 09/QĐ-VKSBD-P2 Quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm. Xét thấy, Trong suốt quá trình điều tra, truy tố bị cáo S và C không thừa nhận hành vi phạm tội, không biết gì về việc bị hại Ng bị chém. Tại phiên tòa sơ thẩm thì C nhận tội về mình và Đ nhưng không thừa nhận S là người kêu bị cáo C và Đ đi chém người bị hại, việc C rủ Đ đi đánh bị hại Ng là do C tự ý bênh vực S vì biết S và bị hại mâu thuẫn với nhau. Tại phiên tòa thì bị cáo Đ cũng thay đổi một phần lời khai và cho rằng: S gọi điện cho Đ nói đi với C chứ không nói đi đánh giết mặt bị hại Ng như đã khai trong quá trình điều tra và cũng đến khi ra ngã tư 550 chỗ C đi thì thấy C kẹp hung khí trong tay áo và C nói chỗ C đi đánh bị hại Ng. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa chị Trần Thanh H (bạn gái của bị cáo C) là người trực tiếp nghe S gọi cho C nói là *“mày với thằng Đ đi xử thằng bảo vệ dùm”*, sau khi chém bị hại thì bị cáo C gặp Huyền và nói là *“Hôm qua S nhờ chém thằng bảo vệ nhưng cây kiếm mới mua bén quá làm rớt mất cánh tay”*. Ngay sau khi chém anh Ng thì Đ và C gọi điện thông báo cho S biết là đã chém Ng (S, C và Đ đều thừa nhận), chị Nguyễn Thị S1 là vợ của bị cáo C còn xác nhận là *“Khoảng 02-*

03 giờ ngày 07/6/2019 nghe S gọi điện cho C nói là C đã chém lộn người rồi nhưng C khẳng định với S là chắc chắn đã chém đúng, sau đó S gọi lại cho C xác định là đã chém đúng rồi”. Ngày 08/6/2019 C và S điện thoại hẹn gặp nhau lên tỉnh Gia Lai bàn cách đối phó với cơ quan chức năng và cùng nhau bỏ trốn đi nhiều tỉnh thành cho đến khi bị bắt. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bị cáo S là người kêu bị cáo C và Đ đi chém bị hại Ng để trả thù. Khi S kêu C và Đ chém Ng thì S không có biện pháp hữu hiệu nào nhằm ngăn cản hành vi của C để C chỉ dừng lại ở mức độ gây thương tích, không đưa ra yêu cầu rõ ràng về việc C phải dùng loại hung khí gì, chém bao nhiêu nhát và chém vào vị trí nào trên cơ thể người bị hại (mức độ tấn công, cường độ tấn công và vị trí tấn công), mà bỏ mặc cho C và Đ thực hiện, bất chấp hậu quả xảy ra. Thực tế bị cáo C đã dùng hung khí là loại kiếm dài, có trọng lượng, sắc bén, chém chí mạng nhiều nhát vào khắp cơ thể bị hại, gây tổn thương cơ thể 74% và mất vĩnh viễn cánh tay trái. Người bị hại Ng được cứu chữa kịp thời, không chết là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo C. Do vậy, theo quy định tại Án lệ số 17 ngày 17/10/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì hành vi của bị cáo C phạm tội “Giết người” với vai trò thực hành, hành vi của bị cáo S và Đ là đồng phạm. Trong đó bị cáo S với vai trò là người chủ mưu, Đ là người giúp sức.

Án sơ thẩm nhận định: Bị cáo C dùng kiếm chém chí mạng nhiều nhát vào khắp cơ thể bị hại Ng là hành vi vượt quá yêu cầu của bị cáo S và Đ nên bị cáo S và Đ không phải chịu trách nhiệm về tội “Giết người” mà chỉ chịu trách nhiệm về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự. Án lệ số 01/2016 ngày 06/4/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Từ đó tuyên bố bị cáo C phạm tội “Giết người” và tuyên phạt 18 năm tù; tuyên bố bị cáo S và bị cáo Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích” và tuyên phạt bị cáo S 12 năm tù, bị cáo Đ 6 năm tù là sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật và áp dụng Án lệ số 01/2016; chưa tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm các bị cáo đã thực hiện, cũng như đặc điểm nhân thân của các bị cáo, chưa đảm bảo tính giáo dục răn đe, cảnh báo và phòng ngừa chung.

Vì thế, kháng nghị phần hình phạt đối với bị cáo Bùi Văn C; tội danh và hình phạt đối với bị cáo Phan Trường S và Dương Ngọc Đ của án sơ thẩm; đề nghị Tòa cấp phúc thẩm, xét xử theo hướng:

- + Tăng hình phạt đối với bị cáo Bùi Văn C.
- + Xét xử bị cáo Phan Trường S và Dương Ngọc Đ về tội giết người và tăng nặng mức hình phạt.
- Ngày 07/10/2020, bị hại Lê Trung Ng có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Phan Trường S. Với lý do: Bị cáo Phan Trường S sau



khi thực hiện hành vi phạm tội đã ăn năn, hối cải, khắc phục hậu quả và nhận thức được hành vi vi phạm của mình, mong muốn chuộc lại lỗi lầm và phấn đấu trở thành công dân tốt. Cụ thể gia đình bị cáo S đã bồi thường cho bị hại Ng số tiền 30.000.000 đồng. Vì vậy bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt, xin pháp luật khoan hồng cho bị cáo Phan Trường S.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:*

- *Bị hại có kháng cáo ông Lê Trung Ng trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt đối với các bị cáo, tuy nhiên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ; về trách nhiệm dân sự giữ nguyên yêu cầu buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho ông Ng số tiền 500.000.000 đồng.

- *Bị cáo có kháng cáo; bị kháng cáo và kháng nghị Bùi Văn C, trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo thừa nhận do bức xúc việc bị hại Ng nhiều lần gây sự với bị cáo S trong việc bị cáo S đậu xe ô tô tại chung cư B nên tự bị cáo thực hiện hành vi chém bị hại Ng chứ bị cáo S không có kêu bị cáo đi đánh anh Ng dần mặt như chị S1, chị H trình bày; bị cáo cho rằng chị S1 là vợ nhưng đã ly thân còn chị H1 là người có mâu thuẫn với bị cáo S nên lời khai của những người này không đúng sự thật. Nên yêu cầu hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, không chấp nhận kháng cáo của bị hại Ng và không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát.

- *Bị cáo có kháng cáo; bị kháng cáo và kháng nghị Phan Trường S, trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; bị cáo thừa nhận giữa bị cáo với bị hại Ng có mâu thuẫn trong việc bị cáo đậu xe ô tô tại chung cư B, nhưng bị cáo không thừa nhận có kêu bị cáo C và bị cáo Đ đi đánh anh Ng dần mặt; việc bị cáo liên hệ điện thoại với bị cáo C và bị cáo Đ trong ngày 07/6/2019 chỉ là điện thoại qua lại hỏi thăm lẫn nhau mà thôi chứ không có mục đích nào khác. Việc người làm chứng S1, H khai nghe bị cáo nói chuyện với bị cáo C là bị cáo kêu bị cáo C đánh người bảo vệ chung cư là không đúng sự thật, không khách quan, nên yêu cầu xem xét không chấp nhận lời khai của những người làm chứng này; bị cáo thừa nhận sau khi bị cáo C chém bị hại Ng thì bị cáo C có điện thoại cho bị cáo biết và bị cáo có lên gặp C ở Gia Lai nên nếu có tội thì bị cáo chỉ phạm tội “Không tố giác tội phạm” chứ bị cáo không phạm tội “Giết người”. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng cáo của bị hại Ng, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát; chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- *Bị cáo không có kháng cáo nhưng bị kháng cáo; kháng nghị Dương Ngọc Đ, trình bày:* Bị cáo không biết việc bị cáo S kêu bị cáo C đi đánh bị hại dần mặt; việc ngày 14/6/2019 khi ra đầu thú bị cáo khai bị cáo S kêu bị cáo đi cùng bị cáo C đi đánh bị hại là do lúc ra đầu thú do lo sợ nên bị cáo khai không đúng sự thật, chứ sự thật là bị cáo S không có kêu bị cáo C và bị cáo đi đánh bị hại dần mặt; khi đi với bị cáo C thấy bị cáo C chém bị hại, bị hại bỏ chạy bị

cáo C định đuổi theo chém bị hại tiếp thì bị cáo đã ngăn cản nên bị cáo không phạm tội “Giết người”, vì thế đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng cáo của bị hại và kháng nghị của Viện kiểm sát.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 09/QĐ-VKSBD-P2 ngày 30/9/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương. Đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Án sơ thẩm nhận định: Bị cáo C dùng kiếm chém chí mạng nhiều nhát vào khắp cơ thể bị hại Ng là hành vi vượt quá yêu cầu của bị cáo S và Đ nên bị cáo S và Đ không phải chịu trách nhiệm về tội “Giết người” mà chỉ chịu trách nhiệm về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự. Án lệ số 01/2016 ngày 06/4/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Từ đó tuyên bố bị cáo C phạm tội “Giết người” và tuyên phạt 18 năm tù; tuyên bố bị cáo S và bị cáo Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích” và tuyên phạt bị cáo S 12 năm tù, bị cáo Đ 6 năm tù là sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật và áp dụng Án lệ số 01/2016; chưa tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm các bị cáo đã thực hiện, cũng như đặc điểm nhân thân của các bị cáo, chưa đảm bảo tính giáo dục răn đe, cảnh báo và phòng ngừa chung.

Vì thế, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương; chấp nhận kháng cáo của bị hại về tăng hình phạt, không chấp nhận kháng cáo của bị hại về mức bồi thường; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo C và bị cáo S, xử:

+ Tăng hình phạt đối với bị cáo Bùi Văn C.

+ Xử bị cáo Phan Trường S và Dương Ngọc Đ về tội giết người và tăng nặng mức hình phạt.

- Luật sư Trung bào chữa cho bị cáo S, trình bày: Kháng nghị Viện kiểm sát chỉ dựa vào lời khai của bị cáo Đ, của người làm chứng chị Soan, chị Huyền để buộc tội bị cáo S phạm tội “Giết người” là không đủ căn cứ. Quá trình điều tra bị cáo S không thừa nhận có việc kêu bị cáo C đi đánh bị hại Ng để giấu mặt. Tại cấp sơ thẩm bị cáo C và bị cáo Đ cũng không thừa nhận có việc bị cáo S kêu bị cáo C và bị cáo Đ đi đánh bị hại Ng, quá trình điều tra chưa làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo S nên không thể dựa vào lời khai của bị cáo Đ, chị S1, chị H để buộc tội bị cáo S, nên đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, nếu có phạm tội thì bị cáo S chỉ phạm tội “Không tố giác tội phạm” theo khung hình phạt tại Điều 390 Bộ luật hình sự. Nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo S; không chấp nhận kháng cáo của bị hại và kháng nghị của Viện kiểm sát.

Bị cáo S đồng ý với bào chữa của luật sư, đồng thời bào chữa bổ sung: Bị cáo đã từng bị kết án tù nên bị cáo biết rõ thế nào là phạm tội, nên nhiều lần C

nói để C đánh bị hại nhưng bị cáo không cho, bị cáo không thừa nhận có việc bị cáo kêu bị cáo C và Đ đi đánh bị hại.

- *Luật sư Hoàng bào chữa cho bị cáo C, trình bày:* Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã luận tội bị cáo C “Giết người” trong trường hợp chưa đạt và nạn nhân không chết là ngoài ý chí chủ quan của bị cáo nhưng lại không chứng minh được mục đích của bị cáo C là “Giết chết bị hại Ng”, tức là trái logic trong khoa học hình sự; mặt khác hồ sơ thể hiện không có tình tiết nào các bị cáo có mục tiêu “Giết người” mà chỉ có “đánh giằng mặt để trả thù” bị cáo C cũng không hề truy sát tới cùng để tước đoạt mạng sống của bị hại Ng. Theo luật sư thì việc truy tố bị cáo C theo điểm b khoản 4 Điều 134 là tội “Cố ý gây thương tích” sau đó vận dụng thêm điểm a (hoặc điểm b, hoặc cả điểm a-b) khoản 1 Điều 52 là có “Tổ chức”, hoặc “Mang tính chất côn đồ” để tăng nặng trách nhiệm hình sự là chính xác và phù hợp với thực tế khách quan của vụ án; Kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị tăng hình phạt của bị cáo C, Viện kiểm sát chỉ nói chung chung, không có tình tiết hay chứng cứ mới; kháng cáo của bị hại Ng cũng tương tự, hoàn toàn không có chứng cứ chứng minh để buộc các bị cáo bồi thường 500.000.000 đồng, cũng như yêu cầu tăng hình phạt, như vậy kháng cáo của bị hại cũng không có căn cứ. Vì thế, luật sư H đề nghị thay đổi tội danh cho bị cáo C từ “Giết người” sang “Cố ý gây thương tích” và thêm 2 tình tiết tăng nặng là điểm a, b khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bác một phần nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát liên quan đến bị cáo C; bác toàn bộ nội dung kháng cáo của bị hại Ng.

Bị cáo C đồng ý với bào chữa của luật sư H, bổ sung bào chữa là không thừa nhận lời khai của chị S1, chị H là không quan, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận lời khai của 02 nhân chứng này.

- *Luật sư S bào chữa cho bị cáo Đ, trình bày:* Luật sư không đồng ý với Cáo trạng của Viện kiểm sát đề nghị truy tố bị cáo Đ về tội “Giết người” (chưa đạt) theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự vì không phù hợp với hồ sơ vụ án. Đồng ý với bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”; Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhận định “bị cáo Đ là người giúp sức” và căn cứ theo Án lệ số 17 ngày 17/10/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để truy tố bị cáo Đ là đồng phạm theo tội “Giết người” là không chính xác; ngoài ra bị cáo Đ cũng không có sự chuẩn bị, không biết được bị cáo C có mang theo vũ khí nguy hiểm có khả năng tước đoạt mạng sống của bị hại; án sơ thẩm quyết định là có căn cứ; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như án sơ thẩm nêu nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định hình phạt nhẹ hơn mức án Tòa sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Đ.

- Bị cáo Đ đồng ý với bào chữa của luật sư, đồng thời bào chữa bổ sung là bị cáo có hành vi ngăn cản không cho C thực hiện tiếp hành vi đuổi theo để

chém tiếp bị hại. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại và kháng nghị của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng các bị cáo C, Đ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo S mong Hội đồng xét xử xem xét bị cáo không phạm tội “Giết người”.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo; bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

- Các kháng cáo và kháng nghị là đều hợp lệ do còn trong hạn luật định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: Mặc dù các bị cáo C, Đ không thừa nhận bị cáo S có nhờ đi đánh bị hại Ng để dần mặt, nhưng qua hồ sơ thể hiện: Sau khi sự việc bị hại Ng bị chém ngày 07/6/2019 thì đến ngày 14/6/2019 bị cáo Đ đến Công An phường AP, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương để đầu thú. Tại biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú/đầu thú ngày 14/6/2019 (BL551) Đ khai: “Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 07/6/2019 anh S điện thoại cho tôi kêu tôi đi với anh C để đánh giết mặt người bảo vệ chung cư B. Đến khoảng 20h10 cùng ngày anh C điện thoại kêu tôi chạy ra ngã tư 550 để đi công việc. Sau đó tôi đi xe Grap ra ngã tư 550 thì gặp C tại đây lúc này C đang ngồi trên xe Exciter màu xanh, tại đây tôi điều khiển xe chở C ngồi sau đi qua khu chung cư Việt Sing, đi đến đoạn đường sát bên hông bãi xe Bloch K3 của khu chung cư B thì dừng lại. Lúc này anh C nhảy xuống xe và rút trong áo khoác ra một cây mã tấu chạy đến chỗ quẹt thẻ giữ xe và chém ông bảo vệ. Chém xong C lên xe cùng tôi chạy đi để tẩu thoát...”.

+ Tại Bản tự khai ngày 14/6/2019 bị cáo Đ khai: “18h30 ngày 07/6/2019. Sau khi đá bóng xong. Tôi nhận được điện thoại của anh S từ số 0981537979 cho tôi qua số 0382200999 và nói tối nay kêu tôi đi với anh C qua đánh dần mặt ông bảo vệ chung cư B và tôi đồng ý...đến khoảng 20h10 phút thì anh C dùng số 0937488874 gọi cho tôi và kêu tôi ra ngã tư 550 để đi. Tôi đoán xe Grap chạy ra ngã tư 550 thì thấy anh C ngồi trên chiếc xe Exciter màu xanh, đậu sẵn. Tôi chở anh C đi qua khu chung cư Việt Sing anh C chỉ đường cho tôi đi. Đến bên hông nhà xe Block K3 nơi anh S thuê chung cư thì anh C kêu tôi dừng xe lại. Khi tôi vừa dừng xe lại thì anh C nhảy xuống tay trái cầm một cây

*mã tấu (loại kiếm dài khoảng 70cm) chạy vào vị trí một người bảo vệ đang ngồi chỗ quét thẻ và dùng tay trái chém nhiều nhát vào người bảo vệ...” (BL 553).*

- Tại lời khai ngày 24/6/2019 (BL441) bị cáo S thừa nhận: *Sim số điện thoại 0981537979 là của bị cáo sử dụng từ tháng 10/2018 đến chiều ngày 08/6/2018 thì bị rút khi đưa Nh đi dạo biển TQ; tại lời khai cùng ngày 24/6/2019 (BL 442) thì bị cáo S lại khai: Sim số điện thoại 0981537979 của bị cáo sử dụng đến ngày 08/6/2019 thì bị cáo tháo sim ra bỏ và vứt bỏ.*

- Tại lời khai ngày 13/3/2020 (BL 465) bị cáo S khai: Ngày 13/6/2019 tôi đến Gia Lai gặp C *“Trong lúc gặp nhau tôi hỏi C sao chém nặng vậy. C trả lời C chỉ chém nhẹ tay nhưng do dao bén quá...”*.

- Báo cáo chi tiết lịch sử liên lạc của thuê bao từ ngày 06/6/2019 đến 23/6/2019 của Trung tâm viễn thông tại BL 197- số thứ tự 53 lúc 18:32:05.0 (18 giờ 32 phút 5 giây) và BL 208 số thứ tự 78, lúc 18:33:27.0 (18 giờ 33 phút 27 giây) và 21:28:16 ngày 07/6/2019 xác định: thời gian này bị cáo S có gọi cho Đ từ số thuê bao 0981537979 của S đến số thuê bao 0382200999 của Đ. Cùng ngày 07/06/2019. Lúc 08:49:36; 08:51:31; 08:57:03; 19:57:19; 20:41:49; 21:32:52; 22:18:55; 22:19:22 C điện thoại cho S từ số 0937488874 của C qua số điện thoại 0981537979 của S (BL 190);

- Tại lời khai người làm chứng Nguyễn Thị S1 (vợ C) ngày 08/6/2019 (BL 257) khai: Khoảng 03 giờ ngày 08/6/2019 khi tôi và anh C đang ở trong phòng trọ để ngủ thì nghe anh C nói chuyện điện thoại với S về việc S nói là *“C đã chém lộn người rồi”*, S nghe một cô gái tên Linh nói với S là đã chém nhầm người. Tôi nghe anh C trả lời anh S nội dung: *“Con L biết cái L... gì, tao với thằng Đ giáp mặt nó mà sao lộn được”*. Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 08/6/2019, khi tôi và C đang ở phòng trọ thì tôi nghe được chồng tôi nói chuyện điện thoại với S nội dung như sau: *“S xác nhận lại với C là đã chém trúng người”* anh C nói với S là tao mới chém có 30% mà đã đứt cánh tay. S kêu C đem đứt bỏ toàn bộ quần áo....

- Tại lời khai ngày 19/6/2019, người làm chứng Trần Thanh H khai (BL 273): Tôi có quan hệ yêu đương tình cảm với Bùi Văn C. Anh C kể *“Khoảng tối ngày 07/6/2019 anh C có đi cùng anh Đ đến khu nhà ở xã hội B tại khu phố 4, phường AP, thị xã TA, tỉnh Bình Dương. Tại đây anh C sử dụng một cây kiếm sắt bén chém rút cánh tay một người bảo vệ tại khu nhà ở B, không nói rõ chém mấy cái; anh C kể trước đó anh bảo vệ bị anh C chém nêu trên có mâu thuẫn cự cãi với bạn của anh C tên là S, cự cãi về vấn đề anh S đậu xe, anh bảo vệ này có dùng chích điện chích anh S nên anh S nhờ anh C và anh Đ đến chém anh bảo vệ...”*.

Với các chứng cứ vừa nêu trên Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ để xác định: Bị cáo S là người kêu bị cáo C và Đ đi chém người bị hại Ng để trả

thù. Khi S kêu C và Đ chém Ng thì S không có biện pháp hữu hiệu nào nhằm ngăn cản hành vi của C để C chỉ dừng lại ở mức độ gây thương tích, không đưa ra yêu cầu rõ ràng về việc C phải dùng loại hung khí gì, chém bao nhiêu nhát và chém vào vị trí nào trên cơ thể người bị hại mà bỏ mặc cho C và Đ thực hiện, bất chấp hậu quả xảy ra. Thực tế bị cáo C đã dùng hung khí là loại kiếm dài, có trọng lượng, sắc bén, chém chí mạng nhiều nhát vào khắp cơ thể bị hại, gây tổn thương cơ thể 74% và mất vĩnh viễn cánh tay trái. Người bị hại Ng được cứu chữa kịp thời, không chết là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo C. Xét thấy, theo tình huống tại vụ án này giống tình huống tại Án lệ số 17 ngày 17/10/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên Hội đồng xét xử áp dụng Án lệ số 17/10/2018 để làm căn cứ kết luận: Hành vi của bị cáo C phạm tội “Giết người” với vai trò thực hành, hành vi của bị cáo S và Đ là đồng phạm. Trong đó bị cáo S với vai trò là người “Xúi giục”, Đ là người giúp sức.

[3] Từ các chứng cứ và phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy Quyết định kháng nghị số 09/QĐ-VKSBD-P2 ngày 30/9/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là có căn cứ, đúng tình tiết khách quan vụ án nên căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa án sơ thẩm: Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát; Chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của bị hại; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Văn C và Phan Trường S và không chấp nhận đề nghị của các luật sư Tr, H, S bào chữa cho các bị cáo S, C, Đ. Tuyên bố các bị cáo Phan Trường S; Bùi Văn C và Dương Ngọc Đ phạm tội “Giết người” trong đó Bùi Văn C phạm tội “Giết người” với tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ” theo điểm n khoản 1 Điều 123; bị cáo S và bị cáo Đ đồng phạm tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự, bị cáo S với vai trò “Xúi giục” bị cáo Đ với vai trò “Giúp sức” không đáng kể.

[4] Xét vai trò của từng bị cáo:

[4.1] Đối với bị cáo Phan Trường S với vai trò là người “Xúi giục” nhưng quá trình điều tra và tại phiên tòa đều không thừa nhận việc bị cáo là người yêu cầu Bùi Văn C và Dương Ngọc Đ chém giết mặt bị hại Lê Trung Ng, nên cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ nào là đúng; tại cấp phúc thẩm ngày 07/10/2020 chị Phan Thị H1 người nhà của bị cáo S đã bồi thường cho bị hại Ng số tiền 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả trong số tiền 139.144.164 đồng mà Tòa sơ thẩm tuyên bị cáo liên đới cùng bị cáo C, Đ bồi thường cho bị hại và bị hại Ng có đơn bãi nại xin giảm hình phạt cho bị cáo S, nên Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; mặc dù có tình tiết giảm nhẹ tại cấp phúc thẩm nhưng mức án 12 năm tù Tòa sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là chưa tương xứng nên Hội đồng xét xử, sửa án sơ thẩm xử tăng hình phạt đối với bị cáo S là thỏa đáng.

[4.2] Đối với bị cáo Bùi Văn C: Tham gia với vai trò đồng phạm thực hành tích cực, là người chuẩn bị hung khí, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và thực hiện nhiều nhất chém chí mạng vào người bị hại, đồng thời bỏ trốn sau khi gây án nên tính chất nguy hiểm cao; song tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình nên cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2019 là có căn cứ. Song, mức án cấp sơ thẩm quyết định đối với bị cáo cũng là chưa tương xứng, nên Hội đồng xét xử, sửa án sơ thẩm xử tăng hình phạt đối với bị cáo C là thỏa đáng.

[4.3] Đối với bị cáo Đ, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã đến Công an đầu thú; trong quá trình điều tra có thái độ thành khẩn khai báo; tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Tòa sơ thẩm cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, song việc Tòa sơ thẩm xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là chưa tương xứng nên Hội đồng xét xử, sửa án sơ thẩm xử tăng hình phạt đối với bị cáo Đ cũng là thỏa đáng.

[5] Đối với kháng cáo của bị hại về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Lê Trung Ng yêu cầu các bị cáo Phan Trường S, Bùi Văn C, Dương Thanh Đ liên đới bồi thường tổng số tiền: 500.000.000 đồng; trong đó: Chi phí điều trị thương tích 48.144.164 đồng; thu nhập bị mất trong thời gian điều trị bệnh: 06 tháng x 6.000.000 đồng/tháng = 36.000.000 đồng; tổn thất sức khỏe do thương tích gây ra là 415.855.836 đồng. Các bị cáo không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại, đề nghị bồi thường theo quy định của pháp luật.

Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bị hại về bồi thường chi phí điều trị thương tích 48.144.164 đồng là phù hợp, song việc Tòa sơ thẩm chỉ chấp nhận thu nhập bị mất của bị hại trong 06 tháng là chưa thỏa đáng, mặc dù bị hại chỉ yêu cầu trong 06 tháng điều trị nhưng yêu cầu bồi thường tổn thất sức khỏe do thương tích với số tiền 415.855.836 đồng là cao hơn nên cần xem xét chấp nhận một phần kháng cáo này của bị hại, do cánh tay bị mất bị hại phải có thời gian điều trị dài và cần thời gian luyện tập để làm quen với sinh hoạt, lao động hàng ngày đối với cánh tay còn lại, nên cần buộc các bị cáo phải bồi thường thu nhập bị mất của bị hại là 24 tháng x 6.000.000 đồng/tháng = 144.000.000 đồng; và thiệt hại do tổn thất tinh thần = 50 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định là 50 x 1.500.000 đồng = 75.000.000 đồng. Cộng chung buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 267.144.000 đồng (lấy tròn số). Trong đó bị cáo Đ bồi thường được 20.000.000 đồng; gia đình bị cáo S bồi thường được 30.000.000 đồng. Còn lại 217.144.000 đồng buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường tiếp cho bị hại.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên tính lại án phí sơ thẩm.

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[6.1]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Phan Trường S, Bùi Văn C, Dương Ngọc Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

[6.2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo Phan Trường S, Bùi Văn C và Dương Ngọc Đ phải liên đới nộp số tiền 10.857.200 đồng.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo S, C mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng; không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1/ Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Trường S; Bùi Văn C; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Lê Trung Ng; Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, sửa bản án sơ thẩm số 91/2020/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Tuyên bố các bị cáo Phan Trường S; Bùi Văn C; Dương Ngọc Đ phạm tội “Giết người”.

2/ Áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 15, 17, 38, 57, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan Trường S 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/6/2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo Phan Trường S theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

3/ Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 15, 17, 38, 57, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn C 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/6/2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo Bùi Văn C theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.



4/ Áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 15, 17, 38, 54, 57, 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Dương Ngọc Đ 7 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/6/2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo Dương Ngọc Đ theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

5/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 567, 590 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc các bị cáo Phan Trường S; Bùi Văn C; Dương Ngọc Đ liên đới bồi thường cho bị hại Lê Trung Ng số tiền còn lại là: 217.144.000 (hai trăm mười bảy triệu một trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày ông Lê Trung Ng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6/ Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

6.1/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Phan Trường S, Bùi Văn C, Dương Ngọc Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

6.2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo Phan Trường S, Bùi Văn C và Dương Ngọc Đ phải liên đới nộp số tiền 10.857.200 đồng.

6.3/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Phan Trường S, Bùi Văn C mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

7/ Quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng; không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thành Long    Phan Đức Phương**

**Nguyễn Văn Tửu**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Dương (3);
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp Bình Dương.
- Trại tạm giam Bình Dương  
“để tổng đạt cho bc” (4);
- Các đương sự (4)
- Lưu hs (2) vp (5) 23b (án 09)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn TỬ**